Chi tiết mã HS 8715.00.00

Mã HS	8715.00.00
Mô tả hàng hóa	Xe đẩy trẻ em và bộ phận của chúng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 04:13:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87150000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17702
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17702
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17702
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	16,4	16,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.1	17,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17023
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16952
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16952
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16952
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16952
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16952
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16952
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17008
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17008

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17008
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17008
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17008
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17008
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17009
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17009
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17009
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17009
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17009
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17009
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17014
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16969
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F16966
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G16966
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H16966
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I16966
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J16966
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K16966
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17012
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17012
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17012
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17012
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17012
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17012
VCFTA	2022	2022	13	VC!D17074
VCFTA	2023	2023	11	VC!E17074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	9	VC!F17074
VCFTA	2025	2025	8	VC!G17074
VCFTA	2026	2026	6	VC!H17074
VCFTA	2027	2027	4	VC!I17074
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17050
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17050
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17050
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17050
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17050
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17050
AHKFTA	2022	2022	18	AKH!D17045
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E17045
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F17045
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G17045
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H17045
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17045
EVFTA	2022	2022	21,8	EV-NK!D17075
EVFTA	2023	2023	19	EV-NK!E17075
EVFTA	2024	2024	16,3	EV-NK!F17075
EVFTA	2025	2025	13,6	EV-NK!G17075
EVFTA	2026	2026	10,9	EV-NK!H17075
EVFTA	2027	2027	8,1	EV-NK!I17075
UKVFTA	2022	2022	21,8	UKV!D17074
UKVFTA	2023	2023	19	UKV!E17074
UKVFTA	2024	2024	16,3	UKV!F17074
UKVFTA	2025	2025	13,6	UKV!G17074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	10,9	UKV!H17074
UKVFTA	2027	2027	8,1	UKV!I17074
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17168
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17168
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17168
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17168
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17168
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17168
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17168
RCEP A	2022	2022	27	RCEPT-A!D17037
RCEP A	2023	2023	24	RCEPT-A!E17037
RCEP A	2024	2024	21	RCEPT-A!F17037
RCEP A	2025	2025	18	RCEPT-A!G17037
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H17037
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I17037
RCEP B	2022	2022	27	B!D17037
RCEP B	2023	2023	24	B!E17037
RCEP B	2024	2024	21	B!F17037
RCEP B	2025	2025	18	B!G17037
RCEP B	2026	2026	15	B!H17037
RCEP B	2027	2027	12	B!I17037
RCEP C	2022	2022	27	C!D17035
RCEP C	2023	2023	24	C!E17035
RCEP C	2024	2024	21	C!F17035
RCEP C	2025	2025	18	C!G17035
RCEP C	2026	2026	15	C!H17035

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	12	C!I17035
RCEP D	2022	2022	27,3	D!D17034
RCEP D	2023	2023	24,5	D!E17034
RCEP D	2024	2024	21,8	D!F17034
RCEP D	2025	2025	19,1	D!G17034
RCEP D	2026	2026	16,4	D!H17034
RCEP D	2027	2027	13,6	D!I17034
RCEP E	2022	2022	27	E!D17038
RCEP E	2023	2023	24	E!E17038
RCEP E	2024	2024	21	E!F17038
RCEP E	2025	2025	18	E!G17038
RCEP E	2026	2026	15	E!H17038
RCEP E	2027	2027	12	E!I17038
RCEP F	2022	2022	27	F!D17037
RCEP F	2023	2023	24	F!E17037
RCEP F	2024	2024	21	F!F17037
RCEP F	2025	2025	18	F!G17037
RCEP F	2026	2026	15	F!H17037
RCEP F	2027	2027	12	F!I17037
VIFTA	2024	2024	25.7	VI!F15979
VIFTA	2025	2025	21.4	VI!G15979
VIFTA	2026	2026	17.1	VI!H15979
VIFTA	2027	2027	12.9	VI!I15979

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8715.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 8715.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17702), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.